

Số: 15/2020/CV-TTZ

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán BCTC Công ty năm 2019

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung (TTZ) xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng!

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình về sự chênh lệch số liệu tài chính trọng yếu trước và sau kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước kiểm	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9.495.702.353	9.044.602.350	451.100.003
2	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(1.871.157.683)	(1.420.057.680)	(451.100.003)
3	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	0	(886.998.655)	886.998.655
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(700.501.202)	(1.587.499.857)	886.998.655
5	Thu nhập khác	31	3.309.804.166	1.543.733.788	1.766.070.378
6	Chi phí tài chính	22	278.637.007	1.165.635.662	(886.998.655)
7	Chi phí khác	32	1.766.107.764	37.386	1.766.070.378
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	(1.832.356.973)	(2.719.355.628)	886.998.655
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	(1.875.356.973)	(2.762.355.628)	886.998.655



Nguyên nhân

1. Phải thu ngắn hạn khác giảm 451.100.003 đồng do Công ty phân loại chi tiết tính chất khoản ngắn hạn, dài hạn theo đúng chuẩn mực kế toán, đồng thời hạch toán bổ sung bút toán xóa nợ cho khách hàng.
2. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi giảm 451.100.003 đồng do hạch toán lại theo đúng chuẩn mực kế toán, vì thực hiện xóa nợ cho khách hàng đối với khoản nợ đã trích lập 100%.
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tăng 886.998.655 đồng do phản ánh chưa đầy đủ chi phí trích lập dự phòng khoản lỗ của các công ty con.
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 886.998.655 đồng do công ty phản ánh chưa đầy đủ khoản chi phí trích lập dự phòng khoản lỗ từ các công ty con dẫn đến hạch toán thiếu chi phí, vì vậy phải hạch toán bổ sung khoản này.
5. Thu nhập khác giảm 1.766.070.378 đồng do chưa bù trừ thu nhập với chi phí thanh lý tài sản.
6. Chi phí tài chính tăng 886.998.655 đồng do Công ty chưa trích lập dự phòng khoản lỗ từ công ty con dẫn đến hạch toán bổ sung khoản này.
7. Chi phí khác giảm 1.766.070.378 đồng do Công ty chưa bù trừ thu nhập với chi phí thanh lý tài sản.
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 886.998.655 đồng, và tổng lợi nhuận kế toán sau thuế giảm 886.998.655 là do hạch toán thiếu khoản chi phí trích lập dự phòng lỗ của các công ty con.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Anh Quyết

Số: 16/2020/CV-TTZ

V/v: Giải trình chênh lệch Kết quả hoạt động trong BCTC năm 2019 với năm 2018

Thái bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung (TTZ) xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng!

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung xin giải trình về kết quả kinh doanh giữa năm 2019 (kỳ báo cáo) và năm 2018 (kỳ trước) như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Thay đổi (%)
1	Tổng doanh thu & thu nhập khác	10.904.273.778	160.367.036.114	-93,20%
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.360.464.534	159.903.635.217	-94,15%
	Doanh thu hoạt động tài chính	75.456	319.658	-76,39%
	Thu nhập khác	1.543.733.788	463.081.239	233,36%
2	Tổng chi phí	13.623.629.406	160.022.179.021	-91,49%
	Giá vốn hàng bán	9.575.141.215	154.378.898.947	-93,80%
	Chi phí tài chính	1.165.635.662	380.181.179	206,60%
	Chi phí bán hàng	603.383.652	1.525.149.657	-60,44%
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.279.431.491	1.229.004.267	85,47%
	Chi phí khác	37.386	2.508.944.971	-100,00%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	(2.719.355.628)	344.857.093	-888,55%
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	43.000.000	65.634.772	-34,49%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	(2.762.355.628)	279.222.321	-1089,30%



1. Giải trình chênh lệch doanh thu

Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2019 là 10.904.273.778 đồng, giảm 149.462.762.336 đồng so với năm 2018

Nguyên nhân là do giảm doanh thu từ hoạt động chính năm 2019 so với năm 2018 là 150.543.170.683 đồng; doanh thu hoạt động tài chính năm 2019 giảm so với năm 2018 là 244.202 đồng; thu nhập khác năm 2019 tăng so với năm 2018 là 1.080.652.549 đồng từ giá trị thanh lý tài sản cố định.

2. Giải trình chênh lệch chi phí

Trong kỳ 2019, chi phí giá vốn giảm tương ứng với việc giảm doanh thu; Chi phí tài chính năm 2019 tăng so với năm 2018 do phát sinh khoản trích lập dự phòng lỗ từ hoạt động của các công con.

Chi phí bán hàng năm 2019 giảm so với năm 2018 là 921.766.005 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1.050.427.224 do trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Chi phí khác năm 2019 giảm so với năm 2018 là 2.508.907.585 đồng do lãi thanh lý tài sản cố định.

3. Giải trình về chênh lệch lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ năm 2019 giảm 3.064.212.721 đồng so với năm 2018 là do lỗ kinh doanh của công ty mẹ và trích lập dự phòng lỗ từ các công ty con.

Trên đây là nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh năm 2019 so với năm 2018 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thanh Na	Thành viên
Ông Chen Yu	Thành viên
Ông Yang Xiao Dong	Thành viên
Ông Lê Minh Diện	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Anh Quyết	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Lê Minh Diện	Kế toán trưởng	Từ nhiệm ngày 05/11/2019
Bà Trịnh Thị Anh	Phụ trách kế toán	

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

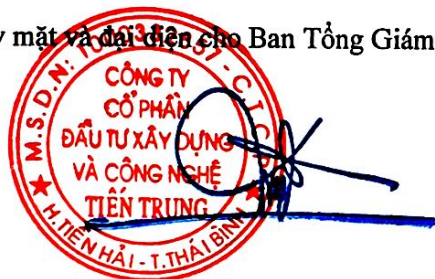
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Anh Quyết

Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Số: 324/2020/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 07/04/2020, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề nhấn mạnh

Tại thuyết minh số 3.11, trong năm 2019, Cục thuế tỉnh Thái Bình thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo Quyết định số 337/QĐ-CCTKV ngày 28/11/2019, quyết định có hiệu lực trong thời hạn 1 năm, kể từ ngày 02/12/2019 đến hết ngày 01/12/2020.

Ngày 24/09/2019, Cục thuế tỉnh Thái Bình đã ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung với số tiền bị cưỡng chế là 919.708.604 đồng. Tài khoản bị cưỡng chế là tài khoản của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàng Mai. Nguyên nhân, do Công ty nợ tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế đã quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, hết thời hạn gia hạn nộp thuế theo quy định. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung đã không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế nêu trên.

Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày theo giả định hoạt động liên tục.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3660-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.669.967.469	40.366.623.570
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	20.448.361	292.321.630
Tiền	111		20.448.361	292.321.630
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.370.275.870	16.946.850.182
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	9.044.602.350	5.580.572.865
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	11.724.621.200	11.872.625.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	21.000.000	261.000.000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.420.057.680)	(767.457.683)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		110.000	110.000
Hàng tồn kho	140	10	22.948.253.200	22.948.253.200
Hàng tồn kho	141		22.948.253.200	22.948.253.200
Tài sản ngắn hạn khác	150		330.990.038	179.198.558
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	13.115.895	170.300.115
Thuế GTGT được khấu trừ	152		100.000	8.898.443
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	317.774.143	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.881.397.504	51.676.045.859
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.000.000.000	9.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	9.000.000.000	9.000.000.000
Tài sản cố định	220		2.999.703.216	5.890.566.046
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.999.703.216	5.890.566.046
- Nguyên giá	222		7.762.601.200	11.427.603.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.762.897.984)	(5.537.037.553)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	35.881.694.288	36.768.692.943
Đầu tư vào công ty con	251		36.768.692.943	36.768.692.943
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(886.998.655)	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	16.786.870
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	-	16.786.870
TỔNG TÀI SẢN	270		90.551.364.973	92.042.669.429

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		16.434.424.830	15.163.373.658
Nợ ngắn hạn	310		16.434.424.830	14.952.103.712
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	5.828.187.651	6.768.277.154
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.612.790.023
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	535.119.037	1.047.127.538
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.520.138.628	1.520.138.628
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	8.550.979.514	4.003.770.369
Nợ dài hạn	330		-	211.269.946
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	-	211.269.946
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.116.940.143	76.879.295.771
Vốn chủ sở hữu	410	16	74.116.940.143	76.879.295.771
Vốn góp của chủ sở hữu	411		75.704.440.000	75.704.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.704.440.000	75.704.440.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.587.499.857)	1.174.855.771
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.174.855.771	895.633.450
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(2.762.355.628)	279.222.321
TỔNG NGUỒN VỐN	440		90.551.364.973	92.042.669.429

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh

Tổng Giám đốc

Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

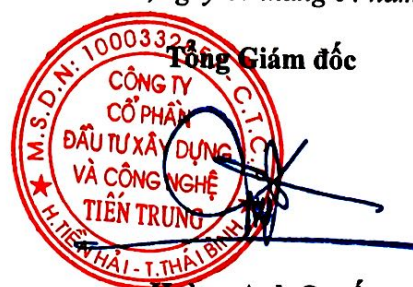
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	9.360.464.534	159.903.635.217
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.360.464.534	159.903.635.217
Giá vốn hàng bán	11	18	9.575.141.215	154.378.898.947
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(214.676.681)	5.524.736.270
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	75.456	319.658
Chi phí tài chính	22	20	1.165.635.662	380.181.179
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		278.637.007	380.181.179
Chi phí bán hàng	25	23	603.383.652	1.525.149.657
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	2.279.431.491	1.229.004.267
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.263.052.030)	2.390.720.825
Thu nhập khác	31	21	1.543.733.788	463.081.239
Chi phí khác	32	22	37.386	2.508.944.971
Lợi nhuận khác	40		1.543.696.402	(2.045.863.732)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.719.355.628)	344.857.093
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	43.000.000	65.634.772
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.762.355.628)	279.222.321

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh



Tổng Giám đốc
Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(2.719.355.628)	344.857.093
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.124.792.452	2.030.661.690
Các khoản dự phòng	03	1.539.598.652	(922.285.744)
(Lãi)/ lỗ hoạt động đầu tư	05	(824.914.169)	2.502.432.364
Chi phí lãi vay	06	278.637.007	380.181.179
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(601.241.686)	4.335.846.582
Giảm các khoản phải thu	09	(3.544.092.294)	9.737.489.619
(Tăng)/hàng tồn kho	10	-	(4.384.220.765)
(Tăng) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11	(2.360.928.342)	(1.193.662.868)
Giảm chi phí trả trước	12	173.971.090	562.278.430
Tiền lãi vay đã trả	14	(278.637.007)	(380.181.179)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(747.000.000)	(665.943.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.357.928.239)	8.011.606.510
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(10.500.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.750.000.000	1.004.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.900.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.456	319.658
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.750.075.456	(7.595.680.342)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	17.163.651.893	6.860.040.315
Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.827.672.379)	(7.164.037.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.335.979.514	(303.997.439)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(271.873.269)	111.928.729
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	292.321.630
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	20.448.361
			292.321.630


Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung được thành lập và hoạt động trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Tiến Trung (Doanh nghiệp được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10 tháng 04 năm 2003) theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Công ty đã điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 70.000.000.000 đồng lên 72.099.990.000 đồng (*Bảy mươi hai tỷ không trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*), tương ứng 7.209.999 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 25/08/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp. Sau đó, Công ty đã điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 72.099.990.000 đồng lên 75.704.440.000 đồng (*Bảy mươi lăm tỷ bảy trăm linh bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*), tương ứng với 7.570.444 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 03 tháng 12 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rậm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm là kinh doanh là doanh thu vận chuyển và kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch
Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La	Sơn La	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 19
- Máy móc, thiết bị	03 - 14
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 147/2016/TT-BTC và Thông tư 45/2013/TT-BTC.

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Trong năm, Cục thuế tỉnh Thái Bình gửi quyết định số 337/QĐ-CCTKV ngày 28/11/2019 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung, quyết định có hiệu lực trong thời hạn 1 năm, kể từ ngày 02/12/2019 đến hết ngày 01/12/2020.

Ngày 24/09/2019, Chi cục thuế tỉnh Thái Bình đã ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung, số tiền bị cưỡng chế là 919.708.604 đồng. Tài khoản bị cưỡng chế là tài khoản của công ty mở tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàng Mai, Nguyên nhân, do công ty nợ tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế đã quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, hết thời hạn gia hạn nộp thuế theo quy định. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung đã không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế nêu trên.

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình - Công ty con;
- Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La - Công ty con;
- Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	16.696.144	256.065.480
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.752.217	36.256.150
	20.448.361	292.321.630

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	13.115.895	170.300.115
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	13.115.895	170.300.115
Dài hạn	-	16.786.870
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	16.786.870
	13.115.895	187.086.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty con	36.768.692.943	(886.998.655)	36.768.692.943	-
+ Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình	33.712.692.943	(886.998.655)	33.712.692.943	-
+ Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La	3.056.000.000	-	3.056.000.000	-
	36.768.692.943	(886.998.655)	36.768.692.943	-

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty con:

Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5400411211 ngày 19/09/2012, thay đổi lần đầu ngày 23/10/2015. Công ty trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại xóm Trộng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình. Trong năm, nhà máy chưa xây dựng hoàn thành toàn bộ các hạng mục đầu tư nhưng đã đưa vào vận hành từng phần để sản xuất và bán gạch. Tại 31/12/2019, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty là (886.998.654) đồng.

Công ty TNHH Một thành viên Tiến Trung Sơn La được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5500527957 ngày 24/12/2015. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên Tiến Trung Sơn La là kinh doanh vật liệu xây dựng. Công ty đang trong giai đoạn xin giấy phép đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại và Nhà khách, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La, chưa thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.044.602.350	(1.420.057.680)	5.580.572.865	(767.457.683)
- Công ty TNHH Ô tô và Thiết bị Thiên Trường Long	3.629.000.000	(1.088.700.000)	4.496.400.000	-
- Công ty TNHH Long Triều	-	-	451.100.003	(451.100.003)
- Công ty CP Xây lắp Tây Sơn	182.964.620	(182.964.620)	182.964.620	(182.964.620)
- Công ty cổ phần xây dựng sản xuất và thương mại Đại Sản	3.031.885.850	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Beehub Việt Nam	1.947.358.820	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	253.393.060	(148.393.060)	450.108.242	(133.393.060)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
	9.044.602.350	(1.420.057.680)	5.580.572.865	(767.457.683)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.724.621.200	-	11.872.625.000	-
- Ông Nguyễn Hữu Hạnh (*)	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
- Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Long Phát Đạt	1.085.000.000	-	1.085.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và vận tải Thiệp Mơ	139.621.200	-	139.621.200	-
- Trả trước cho người bán khác	-	-	148.003.800	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
	11.724.621.200	-	11.872.625.000	-

(*) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Tiến Trung với ông Nguyễn Hữu Hạnh nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất lô số BL524975 với diện tích 20.808 m² tại Đồi Khạo, Xóm Khuộc, Xã Cao Râm, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình. Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng công chứng số 554/quyển số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD với hộ gia đình Ông Nguyễn Hữu Hạnh, giá trị chuyển nhượng là 10.500.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	21.000.000	-	261.000.000	-
- Tạm ứng	-	-	240.000.000	-
- Ông Phan Văn Khánh	21.000.000	-	21.000.000	-
Dài hạn	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
- Phải thu tiền hợp tác đầu tư dự án (*)	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
	9.021.000.000	-	9.261.000.000	-

Ghi chú:

(1) Số dư phải thu dài hạn khác là khoản tiền góp vốn hợp tác thực hiện dự án “ Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” trên diện tích 7,2 ha, tổng vốn đầu tư dự kiến 70.000.000.000 đồng tại huyện Lương Sơn, Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017. Theo Hợp đồng, Công ty sẽ góp số tiền 9.000.000.000 đồng, tương đương 13% tổng giá trị đầu tư dự kiến. Các nghĩa vụ, quyền lợi cho mỗi Bên sẽ được phân chia theo tỷ lệ tham gia đầu tư. Thời gian hợp tác kinh doanh tương ứng thời gian đầu tư của dự án khai thác thăm dò chế biến là 23 năm. Định kỳ 6 tháng 1 lần, Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình sẽ gửi Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung báo cáo về tiến độ thực hiện dự án theo Hợp tác kinh doanh số 01/2017/HĐHTĐT. Tại ngày 31/12/2019, theo báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư cho kỳ 6 tháng cuối năm 2019, dự án đã hoàn thiện thủ tục pháp lý và đang triển khai xây dựng các hạng mục công trình. Dự án dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động trong quý II năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	22.948.253.200	-	22.948.253.200	-
	22.948.253.200	-	22.948.253.200	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ gồm 2 dự án:

- Chi phí thi công xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo kế hoạch điều chỉnh mở rộng quy mô dự án đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt theo Quyết định chủ trương đầu tư số 06/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 về việc điều chỉnh quy mô và hạng mục đầu tư của dự án nhà máy gạch.

- Chi phí thực hiện san lấp mặt bằng tại xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng san lấp mặt bằng với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình ngày 01 tháng 01 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2019	2.036.631.782	3.228.848.849	6.162.122.968	11.427.603.599
- Tăng, giảm khác	121.526	(364.000)	242.474	-
- Thanh lý, nhượng bán	(2.036.753.308)	(72.727.273)	(1.555.521.818)	(3.665.002.399)
31/12/2019	-	3.155.757.576	4.606.843.624	7.762.601.200
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2019	(943.766.220)	(1.765.105.362)	(2.828.165.971)	(5.537.037.553)
- Khấu hao trong năm	(36.370.596)	(383.424.323)	(704.997.533)	(1.124.792.452)
- Tăng, giảm khác	(7.283.580)	-	7.283.580	-
- Thanh lý, nhượng bán	987.420.396	72.727.273	838.784.352	1.898.932.021
31/12/2019	-	(2.075.802.412)	(2.687.095.572)	(4.762.897.984)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2019	1.092.865.562	1.463.743.487	3.333.956.997	5.890.566.046
31/12/2019	-	1.079.955.164	1.919.748.052	2.999.703.216

Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá tài sản cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 322.113.333 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	5.828.187.651	5.828.187.651	6.768.277.154	6.768.277.154
- Công ty TNHH Thương mại và VLXD Tây Hà	594.404.820	594.404.820	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thịnh Gia Phát	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH Hóa dầu và Chất đốt	716.652.810	716.652.810	716.652.810	716.652.810
- Công ty Oanh Tuyết	546.964.000	546.964.000	546.964.000	546.964.000
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.970.166.021	1.970.166.021	3.504.660.344	3.504.660.344
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	5.828.187.651	5.828.187.651	6.768.277.154	6.768.277.154
Phải trả người bán là các bên liên quan	46.750.000	46.750.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	46.750.000	46.750.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	596.229.891	234.217.356	360.000.000	470.447.247
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	386.225.857	43.000.000	429.225.857	-
- Thuế thu nhập cá nhân	5.200.000	-	-	5.200.000
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	59.471.790	-	-	59.471.790
	1.047.127.538	277.217.356	789.225.857	535.119.037
	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-	317.774.143	317.774.143
	-	-	317.774.143	317.774.143

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	8.550.979.514	8.550.979.514	17.374.921.839	12.827.712.694	4.003.770.369	4.003.770.369
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>8.241.362.893</i>	<i>8.241.362.893</i>	<i>17.163.651.893</i>	<i>12.352.329.315</i>	<i>3.430.040.315</i>	<i>3.430.040.315</i>
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	3.430.000.000	3.430.000.000	6.860.000.000	6.860.040.315	3.430.040.315	3.430.040.315
- Vay cá nhân (2)	4.811.362.893	4.811.362.893	10.303.651.893	5.492.289.000	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>	<i>309.616.621</i>	<i>309.616.621</i>	<i>211.269.946</i>	<i>475.383.379</i>	<i>573.730.054</i>	<i>573.730.054</i>
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	260.000.000	260.000.000	140.000.000	240.000.000	360.000.000	360.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (4)	49.616.621	49.616.621	71.269.946	235.383.379	213.730.054	213.730.054
Vay và nợ dài hạn	-	-	-	211.269.946	211.269.946	211.269.946
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	-	-	-	140.000.000	140.000.000	140.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (4)	-	-	-	71.269.946	71.269.946	71.269.946
Cộng	8.550.979.514	8.550.979.514	17.374.921.839	13.038.982.640	4.215.040.315	4.215.040.315

(1) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 629/2018/HDTD/HMI/01 ngày 20/9/2018, giá trị hạn mức tín dụng 3.700.000.000, thời hạn vay 12 tháng, thời gian giải ngân kể từ ngày 20/09/2018 đến ngày 20/09/2019, lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thương mại hàng hoá. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 757/2016/HDDTC ký ngày 23/3/2016 giữa TPBank và ông Hoàng Anh Quyết. Số dư tại 31/12/2019 là: 3.430.000.000 đồng có thời hạn vay 6 tháng, thời gian đáo hạn đến tháng 3/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Các khoản vay cá nhân cá nhân với lãi suất 0%.

(3) Hợp đồng tín dụng số 210116-2600476-01-SME ngày 23/01/2016, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/01/2016, lãi suất vay thả nổi theo lãi suất vay dài hạn của ngân hàng VP Bank. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Hyundai biển số 17A-053.59 và xe ô tô TMT biển số 17A-061.69.

(4) Hợp đồng tín dụng số 3400LAV201600087 ngày 05/04/2016, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05/04/2016, lãi suất 10%/ năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô biển số 17C-06656.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.520.138.628	1.520.138.628
- Phải trả cổ tức (*)	1.400.000.000	1.400.000.000
- Phải trả khác	120.138.628	120.138.628
Dài hạn	-	-
	1.520.138.628	1.520.138.628

(*) Theo thông báo số 11618/VSD-ĐK.NV ngày 24/12/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc thay đổi ngày thanh toán cổ tức - mã chứng khoán TTZ. Thông tin điều chỉnh thời gian thực hiện là ngày 30/12/2020.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	sau thuế	
	VND	chưa phân phối	VND
	VND	VND	VND
01/01/2018	70.000.000.000	8.000.073.450	78.000.073.450
- Tăng vốn trong năm trước	5.704.440.000	(5.704.440.000)	-
- Lãi trong năm trước	-	279.222.321	279.222.321
- Phân phối lợi nhuận	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
+ Chia cổ tức	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
31/12/2018	75.704.440.000	1.174.855.771	76.879.295.771
01/01/2019	75.704.440.000	1.174.855.771	76.879.295.771
- Lỗ trong năm nay	-	(2.762.355.628)	(2.762.355.628)
31/12/2019	75.704.440.000	(1.587.499.857)	74.116.940.143

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2019
	VND
- Ông Hoàng Anh Quyết	365.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Tú	5.239.760.000
- Trần Thị Thanh Na	6.247.920.000
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Việt Tú	4.435.770.000
- Ông Chen Yu	7.144.200.000
- Ông Yang Xiao Dong	4.432.720.000
- Các đối tượng khác	47.839.070.000
	75.704.440.000

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	75.704.440.000	70.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	5.704.440.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	75.704.440.000	75.704.440.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.400.000.000

16.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.570.444	7.570.444
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng	9.360.464.534	159.435.259.062
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	468.376.155
	9.360.464.534	159.903.635.217

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng bán	9.575.141.215	154.260.648.004
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	118.250.943
	9.575.141.215	154.378.898.947

19. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	75.456	319.658
	75.456	319.658

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	278.637.007	380.181.179
Dự phòng đầu tư vào Công ty con	886.998.655	-
	1.165.635.662	380.181.179

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	824.838.713	-
Các khoản khác	718.895.075	463.081.239
	1.543.733.788	463.081.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đã bù trừ tiền thu thanh lý	-	2.502.752.022
Các khoản chi phí khác	37.386	6.192.949
	37.386	2.508.944.971

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí bán hàng	603.383.652	1.525.149.657
Chi phí nhân viên bán hàng	-	136.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	586.157.652	1.288.828.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.226.000	100.321.549
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	2.279.431.491	1.229.004.267
Chi phí nhân viên quản lý	140.102.750	494.968.184
Chi phí đồ dùng văn phòng	246.793.090	533.341.992
Chi phí khấu hao TSCĐ	538.634.800	478.902.888
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(902.285.744)
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.103.700.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.940.851	624.076.947
Chi phí bằng tiền khác	3.260.000	-
	2.882.815.143	2.754.153.924

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.719.355.628)	344.857.093
Các khoản chi phí không được trừ	37.386	6.192.949
- Các khoản chi phí (phạt)	37.386	6.192.949
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(2.719.318.242)	351.050.042
Thuế suất	20%	20%
Điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản Quyết toán thuế năm 2017	-	4.575.236
Thuế TNDN truy thu năm 2018	43.000.000	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	43.000.000	65.634.772

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.821.934.305	2.442.257.067
Chi phí nhân công	140.102.750	3.171.952.184
Chi phí đồ dùng văn phòng	97.885.386	767.425.602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.124.792.452	2.030.661.690
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(902.285.744)
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.103.700.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.166.851	306.865.284
Chi phí bằng tiền khác	3.260.000	724.398.496
	12.555.841.744	8.541.274.579

26. THÔNG TIN KHÁC

26.1. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương, thưởng	51.000.000	51.096.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Góp vốn Công ty con	-	3.712.692.943
- Thanh lý tài sản cố định cho ông Hoàng Anh Quyết	2.000.000.000	-
- Mua hàng Công ty con	42.500.000	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Tạm ứng của Ông Hoàng Anh Quyết	-	240.000.000
- Phải trả Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	46.750.000	-

26.2. THÔNG TIN KHÁC

Công ty TNHH TTZ MEDIA được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108457384 ngày 03/10/2018, chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung. Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2019 Công ty chưa góp vốn vào Công ty TNHH TTZ MEDIA.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

26.3. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh

Tổng Giám đốc

Hoàng Anh Quyết